TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 607/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 12 - 2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Ngọc Bờ;
Ông Huỳnh Văn Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Gi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 476/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1983. (Có mặt).

Trú tại tổ 04, ấp Mỹ Q, xã Mỹ Ph, huyện CP, tỉnh An Gi

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn Vô E, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Trú tại tổ 15, ấp Long A, xã Ô L V, huyện CP, tỉnh An Gi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2016 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị và anh Vô E do tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Ph năm 2008. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau thì vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Vô E thường uống rượu và đánh đập chị nhiều lần, chửi mắn xúc phạm danh dự của chị, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh Vô E không sửa chữa, chị và anh Vô E đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị T xin ly hôn với anh Vô E.

Con chung: Chị T và anh Vô E chung sống được 02 con chung tên Lê Trường Gi, sinh ngày 30/11/2007; Lê Thị Diễm Th, sinh ngày 20/9/2009. Ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Vô E cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Lê Văn Vô E, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh Vô E vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Vô E, yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Anh Vô E vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, biên bản xác minh tại địa phương cho biết: Mâu thuẫn giữa chị T và anh Vô E thế nào địa phương không rõ do không báo ban ấp can thiệp. Tại phiên tòa, chị T cho rằng chị và anh Vô E chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cải vả nhau, không còn tình cảm, nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Trường Gi, sinh ngày 30/11/2007; Lê Thị Diễm Th, sinh ngày 20/9/2009 sau khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Gi và cháu Th do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung và theo nguyện vọng của con nên đề nghị giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh Vô E cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xE xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử xE xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xE xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Vô E thường trú tại ấp Long A, xã Ô L V, huyện CP, tỉnh An Gi. Chị T khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh Vô E được Tòa án nhân dân huyện CP tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Vô E chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Ph vào năm 2008, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về nguyên nhân mâu thuẩn giữa chị T và anh Vô E, quá trình giải quyết vụ ánTòa án cũng như tại phiên tòa thấy rằng: Chị T và anh Vô E chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẩn, cải vả nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, anh Vô E thường uống rượu đánh đập chị T nhiều lần. Đồng thời tại phiên tòa, chị T cho rằng mâu thuẩn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân hơn từ năm 2014 đến nay, không còn tình cảm nên kiên quyết xin ly hôn. Tòa án đã triệu tập anh Vô E để tiến hành hòa giải nhưng anh Vô E không đến tham dự. Hội đồng xét xử xét thấy anh Vô E không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

- Về con chung: Chị T và anh Vô E chung sống có 02 con chung tên Lê Trường Gi, sinh ngày 30/11/2007; Lê Thị Diễm Th, sinh ngày 20/9/2009 sau đang ở với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. Xét, từ khi ly thân

đến nay cháu Gi và cháu Th đều do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, đồng thời chị T có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung và theo nguyện vọng của 02 cháu muốn ở với chị T, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Gi và cháu Th cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Vô E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Vô E cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xE xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xE xét.

[3] Về án phí:

Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Lê Văn Vô E.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Trường Gi, sinh ngày 30/11/2007; Lê Thị Diễm Th, sinh ngày 20/9/2009 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Vô E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Vô E trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xE xét.

Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010205 ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự HUYỆN CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAT An Gi;
- THA HUYỆN CP;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CP;
- UBND xã Mỹ Ph;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ngọc Mỹ